

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HỘI MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HỘI MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOI MINH INVESTMENT TRADING JONT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOI MINH IT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400866132

3. Ngày thành lập: 17/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 820, Đường Lê Lợi, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0962228123 - 0962192789

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
4.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
5.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
6.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Phá dỡ	4311
9.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng công nghiệp và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, thông gió + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. - Lắp đặt nhà đúc sẵn bằng kim loại; - Thi công lắp đặt khung nhôm, cửa kính mái tôn các loại.	4329

13.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình; Lắp đặt hệ thống cửa các loại(cửa cuốn, cửa thủy lực...; Thi công, đánh bóng sàn nhà xưởng, sàn nhà các loại	4330
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Bốc xếp hàng hóa	5224
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710
21.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
22.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biến; Bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn sơn, véc ni.; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
38.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	In ấn	1811
42.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
49.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4520
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
52.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4541
53.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
56.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
59.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
60.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
62.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất	6820
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, thiết kế xây dựng, phòng cháy chữa cháy, điện, nước, môi trường, đầu tư.	7410
64.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, phân tích, thẩm định thiết kế thi công; Kiểm tra, phân tích, thẩm định dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng	7120
65.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ đầu giá)	4610
66.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

67.	Trồng cây hàng năm khác	0119
68.	Trồng cây ăn quả	0121
69.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
70.	Trồng cây điều	0123
71.	Trồng cây hồ tiêu	0124
72.	Trồng cây cao su	0125
73.	Trồng cây cà phê	0126
74.	Trồng cây chè	0127
75.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
76.	Trồng cây lâu năm khác	0129
77.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
78.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
79.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
80.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
81.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
82.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
83.	Chăn nuôi gia cầm	0146
84.	Chăn nuôi khác	0149
85.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
86.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
87.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
88.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
89.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
90.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
91.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
92.	Khai thác gỗ	0220
93.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
94.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
95.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
96.	Khai thác thủy sản biển	0311
97.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
98.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
99.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
100.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
101.	Khai thác và thu gom than non	0520
102.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
103.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
104.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
105.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

106.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
107.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
108.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
109.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Trồng cây xanh, cây xanh đô thị; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130
111.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
112.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
113.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
114.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
115.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
116.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
117.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÙNG ĐỨC TUYÊN	Thôn Cầu Dông, Phường Cộng Hòa, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.650.000	16.500.000.000	33,000	030076001512	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.650.000	16.500.000.000	33,000		
2	ĐỖ ĐỨC HIỂN	Số 820, Đường Lê Lợi, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.700.000	17.000.000.000	34,000	120214853	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.700.000	17.000.000.000	34,000		

3	TRẦN VĂN DŨNG	Thôn Trại Cầu, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.650.0 00	16.500.000.000	33,000	121523371	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.650.0 00	16.500.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121523371

Ngày cấp: 30/05/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trại Cầu, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Trại Cầu, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang